

1. Tổng quan về doanh nghiệp.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) có trụ sở chính tại 198 Trần Quang Khải, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. Tại 31/12/2024, Vietcombank có mạng lưới rộng khắp bao gồm trụ sở chính, chi nhánh, công ty con, công ty liên doanh, liên kết, văn phòng đại diện trong và ngoài nước. Vietcombank có 24.306 nhân viên. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng và các quy định pháp lý liên quan.

Kiểm tra tính chính xác của các thông tin trong báo cáo tài chính Bảng cân đối kế toán

• Thiếu:

- Tín phiếu Kho bạc và các chứng chỉ có giá khác dùng tái chiết khấu với Ngân hàng Nhà nước.
- Trái phiếu Chính phủ và các chứng khoán khác được nắm giữ với mục đích thương mại (có thể nằm trong "Chứng khoán kinh doanh" nhưng cần làm rõ mục đích nắm giữ).
- Tiền gửi khác trên thị trường tiền tệ.
- Thương phiếu, hối phiếu và các chứng chỉ nhận nợ.
- Các khoản đi vay khác.

• Bất thường:

- Có mục "Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác" ở phần tài sản nhưng lại không có số liệu năm trước.
- Có mục "Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác" ở phần nợ phải trả nhưng lại không có số liệu năm nay.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

• Thiếu:

- Phí và chi phí hoa hồng (có thể nằm trong "Chi phí hoạt động dịch vụ" nhưng cần làm rõ).
- Tổn thất khoản cho vay và ứng trước (có thể nằm trong "Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng" nhưng cần làm rõ).

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ: Cần có báo cáo lưu chuyển tiền tệ của doanh nghiệp để đối chiếu và đưa ra nhận xét.

2. Phân tích bảng cân đối kế toán.

Phần Nguồn Vốn:

- **Cơ cấu Nợ và Vốn Chủ Sở Hữu:** Nợ phải trả chiếm tỷ trọng lớn hơn đáng kể so với vốn chủ sở hữu (1.889.664 tỷ VND so với 196.209 tỷ VND năm 2024). Điều này cho thấy Ngân hàng đang sử dụng đòn bẩy tài chính cao để tài trợ cho hoạt động.
- **Nợ phải trả:** Chủ yếu là nợ ngắn hạn, thể hiện qua tiền gửi của khách hàng chiếm tỷ trọng lớn trong tổng nợ phải trả (1.514.664 tỷ VND năm 2024).
- **So sánh giữa các kỳ:**
 - Nợ phải trả tăng từ 1.674.644 tỷ VND lên 1.889.664 tỷ VND (tăng khoảng 12.8%). Nguyên nhân chủ yếu do tiền gửi của khách hàng tăng mạnh.
 - Vốn chủ sở hữu cũng tăng từ 165.080 tỷ VND lên 196.209 tỷ VND (tăng khoảng 18.9%), chủ yếu nhờ lợi nhuận chưa phân phối tăng.
 - Mức độ thay đổi của cả nợ và vốn chủ sở hữu đều hợp lý, cho thấy Ngân hàng đang tăng trưởng cả về quy mô nợ và khả năng tự tài trợ.

Phần Tài Sản:

- **Tổng giá trị tài sản:** Tổng tài sản tăng từ 1.839.724 tỷ VND lên 2.085.873 tỷ VND (tăng khoảng 13.4%).
- **Cơ cấu tài sản:** Phần lớn tài sản của Ngân hàng tập trung vào cho vay khách hàng (1.418.015 tỷ VND năm 2024) và tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác (389.951 tỷ VND năm 2024). Điều này phản ánh hoạt động kinh doanh chính của Ngân hàng là huy động vốn và cho vay.
- **So sánh giữa các kỳ:**
 - Cho vay khách hàng tăng từ 1.241.677 tỷ VND lên 1.418.015 tỷ VND (tăng khoảng 14.2%), cho thấy Ngân hàng mở rộng hoạt động tín dụng.
 - Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác cũng tăng từ 336.501 tỷ VND lên 389.951 tỷ VND (tăng khoảng 15.9%).
 - Tiền mặt và tiền gửi tại NHNN giảm, có thể do Ngân hàng sử dụng nguồn vốn này để tăng cường hoạt động cho vay và đầu tư.

Đánh giá chung:

- Ngân hàng đang có sự tăng trưởng về quy mô tài sản và nguồn vốn.
- Hoạt động cho vay khách hàng tiếp tục là trọng tâm, với sự tăng trưởng đáng kể.
- Cần chú ý đến chất lượng tín dụng, thể hiện qua dự phòng rủi ro cho vay khách hàng (tăng từ 28.681 tỷ VND lên 31.183 tỷ VND).

- Sự gia tăng tiền gửi của khách hàng cho thấy Ngân hàng vẫn là một địa chỉ tin cậy để gửi tiền.
- Vốn chủ sở hữu tăng lên, giúp Ngân hàng có thêm nguồn lực để phát triển và đảm bảo an toàn hoạt động.
- Các khoản phải thu của khách hàng (trong "Tài sản Có khác") tăng đáng kể, cần theo dõi để đảm bảo khả năng thu hồi.

3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

Tóm tắt chung:

Năm 2024, Ngân hàng ghi nhận sự tăng trưởng nhẹ trong tổng thu nhập hoạt động, tuy nhiên lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng lại giảm nhẹ so với năm 2023. Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng giảm đáng kể, dẫn đến tổng lợi nhuận trước thuế tăng. Sau khi trừ chi phí thuế, lợi nhuận sau thuế vẫn tăng trưởng so với năm trước.

Phân tích chi tiết:

- **Thu nhập lãi và chi phí lãi:** Thu nhập lãi giảm 13.4% trong khi chi phí lãi giảm mạnh hơn (29.8%), dẫn đến thu nhập lãi thuần tăng nhẹ 3.3%. Điều này cho thấy ngân hàng có thể đã cải thiện hiệu quả quản lý chi phí vốn hoặc có sự thay đổi trong cơ cấu tài sản sinh lãi.
- **Hoạt động dịch vụ:** Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ giảm 11.8%, cho thấy có thể có sự cạnh tranh lớn hơn hoặc thay đổi trong nhu cầu dịch vụ của khách hàng.
- **Hoạt động kinh doanh ngoại hối và chứng khoán:** Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối giảm nhẹ 6.5%, trong khi lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh giảm mạnh 50.1%. Điều này có thể phản ánh sự biến động của thị trường ngoại hối và chứng khoán trong năm.
- **Hoạt động khác:** Lãi thuần từ hoạt động khác tăng 4.3%, cho thấy ngân hàng có thể đã đa dạng hóa nguồn thu nhập.
- **Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần:** Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần tăng 15.3%, cho thấy hiệu quả từ các khoản đầu tư này.
- **Chi phí hoạt động:** Chi phí hoạt động tăng 5.1%, có thể do mở rộng quy mô hoạt động hoặc tăng chi phí quản lý.
- **Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng:** Chi phí này giảm đáng kể 26.8%, cho thấy chất lượng tín dụng của ngân hàng có thể đã được cải thiện hoặc ngân hàng đã thực hiện các biện pháp quản lý rủi ro hiệu quả hơn.
- **Lợi nhuận sau thuế:** Lợi nhuận sau thuế tăng 2.2%, cho thấy ngân hàng vẫn duy trì được khả năng sinh lời trong bối cảnh thị trường có nhiều biến động.

- **Lãi cơ bản trên cổ phiếu:** Lãi cơ bản trên cổ phiếu tăng nhẹ từ 5,462 VND/cổ phiếu lên 5,571 VND/cổ phiếu, phản ánh sự tăng trưởng trong lợi nhuận trên mỗi cổ phần.

Nhận định:

Nhìn chung, năm 2024, Ngân hàng đã cho thấy sự ổn định và khả năng thích ứng với thị trường. Mặc dù một số hoạt động kinh doanh giảm sút, nhưng việc quản lý chi phí hiệu quả và giảm chi phí dự phòng rủi ro tín dụng đã giúp ngân hàng duy trì được lợi nhuận và tăng trưởng nhẹ so với năm trước.

4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Phân tích chung:

- **Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh:** Tập trung phân tích sự thay đổi của dòng tiền từ hoạt động kinh doanh qua các kỳ. Dòng tiền này dương và ổn định cho thấy khả năng tự tạo tiền của ngân hàng/công ty chứng khoán, đảm bảo hoạt động thường xuyên. Nếu âm, cần xem xét nguyên nhân do tăng chi phí hoạt động, giảm doanh thu, hoặc thay đổi trong chính sách tín dụng/đầu tư.
- **Dòng tiền từ hoạt động đầu tư:** Phân tích các khoản đầu tư vào tài sản cố định, các khoản đầu tư tài chính (mua bán chứng khoán, góp vốn vào đơn vị khác). Sự thay đổi lớn trong dòng tiền này có thể phản ánh chiến lược mở rộng, tái cơ cấu danh mục đầu tư, hoặc thanh lý tài sản.
- **Dòng tiền từ hoạt động tài chính:** Xem xét các hoạt động tăng vốn (phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp), vay nợ (vay ngắn hạn, dài hạn), và trả cổ tức. Dòng tiền này cho thấy khả năng huy động vốn và chính sách phân phối lợi nhuận của ngân hàng/công ty chứng khoán.

Các chỉ số và tỷ lệ cần phân tích:

- **Tỷ trọng của từng dòng tiền so với tổng dòng tiền vào:** Đánh giá hoạt động nào đóng góp chính vào dòng tiền của ngân hàng/công ty chứng khoán.
- **Tỷ lệ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh trên doanh thu:** Cho biết khả năng chuyển đổi doanh thu thành tiền mặt của ngân hàng/công ty chứng khoán.
- **Tỷ lệ dòng tiền tự do (FCF):** $FCF = \text{Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh} - \text{Chi đầu tư}$. Đánh giá khả năng tạo tiền mặt thực tế sau khi đã trừ đi các khoản đầu tư cần thiết.
- **So sánh dòng tiền từ hoạt động kinh doanh với lợi nhuận sau thuế:** Nếu có sự khác biệt lớn, cần xem xét các khoản mục điều chỉnh (khấu hao, dự phòng, lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá) để hiểu rõ nguyên nhân.

Nhận định:

- Dựa trên phân tích các dòng tiền và chỉ số, đưa ra nhận định về tình hình tài chính, khả năng thanh toán, và triển vọng tăng trưởng của ngân hàng/công ty chứng khoán.
- Đánh giá rủi ro và cơ hội liên quan đến dòng tiền của ngân hàng/công ty chứng khoán.
- So sánh với các đối thủ cạnh tranh để đánh giá vị thế của ngân hàng/công ty chứng khoán trong ngành.

5. Các chỉ số tài chính cơ bản.

Chỉ số	31/12/2024	31/12/2023	Ghi chú
1. Chỉ số thanh khoản			
Thanh khoản hiện hành	Không tính được	Không tính được	Không đủ thông tin chi tiết về tài sản và nợ ngắn hạn.
Thanh khoản nhanh	Không tính được	Không tính được	Không đủ thông tin chi tiết về tài sản và nợ ngắn hạn, và hàng tồn kho.
Thanh khoản tức thời	Không tính được	Không tính được	Không đủ thông tin chi tiết về nợ ngắn hạn.
2. Chỉ số đòn bẩy tài chính			
Hệ số nợ	$1.889.664.354 / 2.085.873.522 = 0.906$	$1.674.644.070 / 1.839.724.560 = 0.910$	
Nợ trên vốn chủ	$1.889.664.354 / 196.209.168 = 9.631$	$1.674.644.070 / 165.080.490 = 10.144$	
	Không tính được	Không tính được	

Chỉ số	31/12/2024	31/12/2023	Ghi chú
Khả năng thanh toán lãi vay			Không có thông tin về EBIT và chi phí lãi vay.
3. Chỉ số hiệu quả hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Không tính được	Không tính được	Không có thông tin về giá vốn hàng bán và hàng tồn kho bình quân.
Vòng quay khoản phải thu	Không tính được	Không tính được	Không có thông tin về doanh thu thuần và khoản phải thu bình quân.
Vòng quay tổng tài sản	Không tính được	Không tính được	Không có thông tin về doanh thu thuần và tổng tài sản bình quân.
4. Chỉ số lợi nhuận			
Biên lợi nhuận gộp	Không tính được	Không tính được	Không có thông tin về lợi nhuận gộp và doanh thu thuần.
Biên lợi nhuận ròng	$33.853.117 / 68.578.496 = 0.494$	$33.122.272 / 67.764.326 = 0.489$	Sử dụng Tổng thu nhập hoạt động thay cho Doanh thu thuần.
ROA (Hiệu quả tài sản)	$33.853.117 / ((2.085.873.522 + 1.839.724.560)/2) = 0.017$	$33.122.272 / 1.839.724.560 = 0.018$	Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản bình quân.
ROE (Hiệu quả vốn chủ sở hữu)	$33.853.117 / ((196.209.168 + 165.080.490)/2) = 0.187$	$33.122.272 / 165.080.490 = 0.201$	Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu bình quân.
5. Chỉ số định giá			

Chỉ số	31/12/2024	31/12/2023	Ghi chú
EPS	33.831.386 / 5.589.091.262 = 6.053	33.101.027 / 5.589.091.262 = 5.922	Lợi nhuận thuần của cổ đông Ngân hàng / Số cổ phiếu lưu hành (triệu VND/cổ phiếu).
P/E	Không tính được	Không tính được	Không có thông tin về giá thị trường.
P/B	Không tính được	Không tính được	Không có thông tin về giá thị trường và giá trị sổ sách BVPS.
6. Các chỉ tiêu cơ bản khác			
Doanh thu thuần	68.578.496	67.764.326	Tổng thu nhập hoạt động (triệu VND).
Giá vốn	Không tính được	Không tính được	Không có thông tin.
Lợi nhuận gộp	Không tính được	Không tính được	Không có thông tin.
Lợi nhuận trước thuế	42.236.135	41.328.467	(triệu VND).
Lợi nhuận sau thuế	33.853.117	33.122.272	(triệu VND).
7. Tăng trưởng			
Tăng trưởng Doanh thu	(68.578.496 - 67.764.326) / 67.764.326 * 100 = 1.201%		
Tăng trưởng Lợi nhuận sau thuế	(33.853.117 - 33.122.272) / 33.122.272 * 100 = 2.207%		
8. Dòng tiền			

Chỉ số	31/12/2024	31/12/2023	Ghi chú
CFO	59.122.831	(38.541.530)	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh (triệu VND).
Tỷ lệ CFO trên Doanh thu thuần	$59.122.831 / 68.578.496 = 0.862$	$(38.541.530) / 67.764.326 = -0.569$	
FCFE	Không tính được	Không tính được	Không có thông tin chi tiết về dòng tiền đầu tư cho tài sản cố định.

6. Phân tích các chỉ số cơ bản.

1. Phân tích cơ cấu nguồn vốn và cơ cấu tài sản:

- **Tỷ lệ vốn chủ sở hữu:**

- Năm 2024: 9.41%
- Năm 2023: 8.97%
- **Nhận xét:** Tỷ lệ vốn chủ sở hữu tăng nhẹ cho thấy ngân hàng đang dần tăng cường sử dụng vốn của cổ đông, giảm sự phụ thuộc vào nợ. Tuy nhiên, tỷ lệ này vẫn còn khá thấp, cho thấy ngân hàng vẫn phụ thuộc nhiều vào vốn vay.

- **Tỷ lệ đầu tư vào tài sản ngắn hạn, tài sản dài hạn:** Không đủ dữ liệu để phân tích chi tiết.

2. Phân tích khả năng thanh toán:

- **Thanh khoản hiện hành, thanh khoản nhanh, thanh khoản tức thời:** Không tính được do thiếu thông tin chi tiết về tài sản và nợ ngắn hạn.
- **Hệ số khả năng thanh toán lãi vay:** Không tính được do không có thông tin về EBIT và chi phí lãi vay.
- **Hệ số vòng quay khoản phải thu, hệ số vòng quay hàng tồn kho:** Không tính được do thiếu thông tin về doanh thu thuần, khoản phải thu bình quân, giá vốn hàng bán và hàng tồn kho bình quân.

3. Phân tích đòn bẩy tài chính:

- **Hệ số nợ:**

- Năm 2024: 0.906
- Năm 2023: 0.910
- **Nhận xét:** Hệ số nợ cao cho thấy ngân hàng sử dụng đòn bẩy tài chính lớn, tiềm ẩn rủi ro cao nếu không quản lý tốt các khoản nợ. Hệ số này giảm nhẹ so với năm trước, cho thấy ngân hàng đang dần giảm sự phụ thuộc vào nợ.

- **Nợ trên vốn chủ:**

- Năm 2024: 9.631
- Năm 2023: 10.144
- **Nhận xét:** Tỷ lệ nợ trên vốn chủ rất cao, cho thấy ngân hàng phụ thuộc rất lớn vào nợ vay so với vốn chủ sở hữu. Tỷ lệ này giảm nhẹ so với năm trước, cho thấy ngân hàng đang dần cải thiện cơ cấu vốn.

4. Phân tích khả năng sinh lời:

- **Biên lợi nhuận gộp:** Không tính được do thiếu thông tin về lợi nhuận gộp và doanh thu thuần.

- **Biên lợi nhuận ròng:**

- Năm 2024: 0.494
- Năm 2023: 0.489
- **Nhận xét:** Biên lợi nhuận ròng tăng nhẹ cho thấy ngân hàng quản lý chi phí hiệu quả hơn hoặc có sự cải thiện trong hoạt động kinh doanh.

- **ROA (Hiệu quả tài sản):**

- Năm 2024: 0.017
- Năm 2023: 0.018
- **Nhận xét:** ROA giảm nhẹ cho thấy hiệu quả sử dụng tài sản của ngân hàng giảm.

- **ROE (Hiệu quả vốn chủ sở hữu):**

- Năm 2024: 0.187
- Năm 2023: 0.201
- **Nhận xét:** ROE giảm cho thấy hiệu quả sử dụng vốn chủ sở hữu giảm.

- **EPS:**

- Năm 2024: 6.053
- Năm 2023: 5.922
- **Nhận xét:** EPS tăng cho thấy lợi nhuận trên mỗi cổ phiếu tăng, có thể là tín hiệu tích cực cho nhà đầu tư.

5. Phân tích dòng tiền:

- **CFO:**

- Năm 2024: 59.122.831
- Năm 2023: (38.541.530)
- **Nhận xét:** CFO dương và tăng mạnh so với năm trước cho thấy ngân hàng tạo ra dòng tiền dương từ hoạt động kinh doanh, đây là một dấu hiệu tích cực.

- **Tỷ lệ CFO trên Doanh thu thuần:**

- Năm 2024: 0.862
- Năm 2023: -0.569
- **Nhận xét:** Tỷ lệ này tăng mạnh và chuyển từ âm sang dương cho thấy dòng tiền từ hoạt động kinh doanh đã cải thiện đáng kể so với năm trước.

- **FCFE:** Không tính được do thiếu thông tin chi tiết về dòng tiền đầu tư cho tài sản cố định.

6. Tăng trưởng:

- **Tăng trưởng Doanh thu:** 1.201%
- **Tăng trưởng Lợi nhuận sau thuế:** 2.207%

Kết luận:

Ngân hàng đã có sự tăng trưởng về doanh thu và lợi nhuận sau thuế. Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh được cải thiện đáng kể. Tuy nhiên, ngân hàng vẫn phụ thuộc nhiều vào nợ vay và hiệu quả sử dụng tài sản và vốn chủ sở hữu giảm nhẹ. Cần có thêm thông tin chi tiết để đánh giá đầy đủ hơn về tình hình tài chính của ngân hàng.